

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QL03097: HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐẤT ĐAI
(LAND INFORMATION SYSTEM)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 6
- Tín chỉ: **02 (Lý thuyết: 1,5 – Thực hành: 0,5 - Tự học: 06)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Nghe giảng lý thuyết trên lớp: 22 tiết
 - + Thực hành trong phòng máy tính: 8 tiết
- Giờ tự học: 90 tiết (theo kế hoạch cá nhân hoặc hướng dẫn của giảng viên)
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Hệ thống thông tin Tài nguyên Môi trường
 - Khoa: Tài nguyên và Môi trường
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh Tiếng Việt

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và mục tiêu, kết quả học tập mong đợi của học phần
*** Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:**

Chuẩn đầu ra	Chỉ báo đánh giá việc thực hiện được chuẩn đầu ra
Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	
Kiến thức chuyên môn	
CDR2. Phân tích công tác quản lý và sử dụng hợp lý đất đai để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội	2.1. Phân tích công tác quản lý đất đai theo luật đất đai
CDR3. Xác định giải pháp quản lý, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên đất đai	3.1. Xác định giải pháp quản lý đất đai đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu
Kỹ năng chung	
CDR4. Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo vào giải quyết các vấn đề về nghiên cứu, chuyển giao công nghệ trong ngành Quản lý đất đai một cách có hiệu quả.	4.1. Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo vào giải quyết các vấn đề về nghiên cứu trong ngành Quản lý đất đai.

Chuẩn đầu ra	Chỉ báo đánh giá việc thực hiện được chuẩn đầu ra
Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể: CĐR5. Sử dụng các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo trong hoạt động chuyên môn thuộc ngành quản lý đất đai.	5.1. Sử dụng các kỹ năng làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn thuộc ngành quản lý đất đai
CĐR6. Đạt chứng chỉ tiếng Anh B1 khung tham chiếu Châu Âu hoặc tương đương	6.2. Sử dụng tiếng anh chuyên ngành, đạt chứng chỉ B1 khung tham chiếu Châu Âu hoặc tương đương để nghiên cứu các tài liệu.
Kỹ năng chuyên môn	
CĐR7. Sử dụng thành thạo các nghiệp vụ, công nghệ tiên tiến để phục vụ hiệu quả các hoạt động chuyên môn thuộc ngành Quản lý đất đai	7.1. Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin và thiết bị hiện đại phục vụ hiệu quả các hoạt động chuyên môn thuộc ngành Quản lý đất đai
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR8. Làm việc độc lập, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ và tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn thuộc lĩnh vực quản lý đất đai	8.2. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn ngành Quản lý đất đai
CĐR9. Định hướng tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời.	9.1. Định hướng tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp

* **Mục tiêu:** Học phần nhằm giúp người học đạt được:

- **Về kiến thức:** Học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản của một Hệ thống thông tin đất đai; Quá trình xây dựng hệ thống thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai ở Việt Nam;
- **Về kỹ năng:** Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành trong hệ thống thông tin đất đai phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.
- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Học phần rèn luyện cho người học thái độ học tập nghiêm túc trên phòng máy tính, giữ gìn và bảo vệ tài sản chung, làm việc độc lập, hướng dẫn người khác xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.

* **Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên học phần	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT							
		2.1	3.1	4.1	5.1	6.2	7.1	8.2	9.1
QL03097	Hệ thống thông tin đất đai	R	M	R	R	R	R	R	R

Kí hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức		

Kí hiệu	KQHTMĐ của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được:	CĐR của CTĐT
K1	Phân tích công tác quản lý sử dụng và xây dựng hệ thống thông tin đất đai để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội	CB 2.1
K2	Xác định giải pháp xây dựng, quản lý, vận hành và hiệu quả kinh tế của hệ thống thông tin đất đai phục vụ công tác quản lý đất đai.	CB 3.1
<i>Kỹ năng</i>		
K3	Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo vào giải quyết các vấn đề về nghiên cứu, xây dựng hệ thống thông tin đất đai phục vụ công tác quản lý đất đai.	CB 4.1
K4	Sử dụng tiếng Anh nghiên cứu tài liệu phục vụ xây dựng hệ thống thông tin đất đai.	CB 6.2
K5	Sử dụng các kỹ năng làm việc nhóm trong hoạt động xây dựng hệ thống thông tin đất đai	CB 5.1
K6	Sử dụng phần mềm chuyên ngành trong hệ thống thông tin đất đai để xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai phục vụ hiệu quả các hoạt động chuyên môn thuộc ngành Quản lý đất đai	CB 7.1
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K7	Hướng dẫn người khác trong quá trình thực hành/thực tập xây dựng hệ thống thông tin đất đai.	CB 8.2
K8	Định hướng tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời	CB 9.1

III. Nội dung tóm tắt của học phần

QL03097 – Hệ thống thông tin đất đai (Land Information System - LIS); (Tổng số tín chỉ 2: Lý thuyết: 1,5 – Thực hành: 0,5 - Tự học: 6). Học phần gồm các nội dung chính sau: (1) Tổng quan về hệ thống thông tin; (2) Hệ thống thông tin đất đai; (3) Quản lý thông tin đất đai; (4) Xây dựng hệ thống thông tin đất đai và (5) Tính kinh tế của hệ thống thông tin đất đai. Học phần gồm 3 bài thực hành với nội dung: Làm quen với phần mềm; Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và khai thác cơ sở dữ liệu đất đai phục vụ công tác quản lý đất đai.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- 1) Thuyết giảng trên lớp
- 2) Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy
- 3) Giảng dạy thông qua hướng dẫn thực hành, tổ chức học tập theo nhóm.
- 4) Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông E-learning
- 5) Giảng dạy trực tuyến

2. Phương pháp học tập

- 1) Nghe giảng trên lớp.
- 2) Tự đọc tài liệu và thực hành theo hướng dẫn của giảng viên.
- 3) Thực hành trong phòng thực hành máy tính.
- 4) Học tập trực tuyến

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự lớp học đầy đủ;
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc sách tham khảo và bài giảng trước khi đến lớp học.
- Thực hành: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự tất cả các buổi thực hành trên phòng máy tính và phải hoàn thành sản phẩm.
- Làm bài tiểu luận: Sinh viên làm 01 bài tiểu luận sau khi kết thúc học lý thuyết.
- Thi giữa kì/thực hành: Sinh viên làm bài thi giữa kỳ trên phòng máy tính ở buổi cuối thực hành.
- Thi cuối kì: Sinh viên làm bài thi cuối kỳ theo lịch của Học viện.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 1: Kế hoạch đánh giá và trọng số

Hoạt động đánh giá	KQHTMD được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
Đánh giá quá trình		40	
Rubric 1 - Đánh giá chuyên cần	K4, K8	10	Theo lịch Học viện
Rubric 2 - Đánh giá tiểu luận	K1, K2, K3, K4	10	Kết thúc phần học lý thuyết
Rubric 3 - Đánh giá thực hành	K5, K6, K7	20	Theo lịch Học viện
Đánh giá cuối kỳ		60	
Rubric 4 - Đánh giá cuối kì	K1, K2	60	Theo lịch Học viện

Bảng 2. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần cho nội dung đánh giá bài thi cuối kỳ

KQHTMD	Chỉ báo thực hiện KQHTMD
K1	Chỉ báo 1: Đánh giá các vấn đề cơ bản của thông tin, hệ thống, hệ thống thông tin tại Việt Nam
K1	Chỉ báo 2: Đánh giá thực trạng hệ thống thông tin đất đai của Việt Nam.
K1	Chỉ báo 3: Đánh giá thực trạng công tác quản lý, khai thác hệ thống thông tin đất đai.
K2	Chỉ báo 4: Phân tích quy định; Quy trình về xây dựng CSDL và hệ thống thông tin đất đai.
K2	Chỉ báo 5: Phân tích các dữ liệu đất đai; Chức năng; nội dung trong xây dựng hệ thống thông tin đất đai
K2	Chỉ báo 6: Phân tích và xác định tính kinh tế của hệ thống thông tin đất đai

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5 – 10 điểm	Khá 6,5 – 8,4 điểm	Trung bình 4,0 – 6,4 điểm	Kém 0 – 3,9 điểm
Thái độ tham dự	50	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/không tham gia
Tham gia trả lời câu hỏi trên lớp	50	Trả lời được 85-100% câu hỏi trên lớp	Trả lời được 65-84% câu hỏi trên lớp	Trả lời được 40-64% câu hỏi trên lớp	Trả lời được 0-39% câu hỏi trên lớp

Rubric 2: Đánh giá tiểu luận

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5 – 10 điểm	Khá 6,5 – 8,4 điểm	Trung bình 4,0 – 6,4 điểm	Kém 0 – 3,9 điểm
Cấu trúc	20	Cân đối, hợp lý	Khá cân đối, hợp lý	Tương đối cân đối, hợp lý	Không cân đối, thiếu hợp lý
Nội dung	80	Phân tích rõ ràng	Phân tích khá rõ ràng	Phân tích tương đối rõ ràng	Phân tích chưa rõ ràng

Rubric 3: Đánh giá thực hành

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5 – 10 điểm	Khá 6,5 – 8,4 điểm	Trung bình 4,0 – 6,4 điểm	Kém 0 – 3,9 điểm
Thái độ tham dự	10	Hoàn thành trên 85% bài thực hành	Hoàn thành 65%-84% bài thực hành	Hoàn thành 40%-64% bài thực hành	Không hoàn thành bài thực hành
	10	Tích cực hướng dẫn người khác trong quá trình thực hành	Có tham gia hướng dẫn người khác trong quá trình thực hành	Thỉnh thoảng tham gia hướng dẫn người khác trong quá trình thực hành	Không tham gia hướng dẫn người khác trong quá trình thực hành
Kết quả thực hành	80	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Tham dự các bài thi: Không làm bài tiểu luận sẽ bị nhận điểm 0.

Tham dự thực hành: Không tham dự thực hành sẽ không được dự thi cuối kỳ.

Yêu cầu về đạo đức: Có thái độ học tập nghiêm túc, đúng mực, tuân thủ quy định phòng thực hành, thực tập.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* Sách giáo trình/Bài giảng:

(1) Phạm Văn Vân (2010), Bài giảng Hệ thống thông tin đất, Nhà xuất bản Đại học Nông nghiệp năm 2010.

* Tài liệu tham khảo khác:

(1) Bộ tài nguyên và môi trường (2014), Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT của Bộ TN&MT ngày 30/06/2014 quy định về xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin đất đai;

(2) Bộ tài nguyên và môi trường (2015), Thông tư số 75/2015/TT-BTNMT của Bộ TN&MT ngày 28 tháng 12 năm 2015, quy định kỹ thuật về cơ sở dữ liệu đất đai;

(3) Bộ tài nguyên và môi trường (2017), Kiến trúc tổng thể hệ thống thông tin đất đai việt nam Phiên bản 1.0

(4) Bộ tài nguyên và môi trường (2017), Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT của Bộ TN&MT ngày 25/04/2017 quy định về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai;

(5) Byong-Nam Choe, Mi-Jeong Kim, Kwon-Han Lee, Yoon-Hee Jeong (2004), Land Management information system in Korea, Korea Research Institute for Human Settlements 2004, Vol 4, ISBN 89-8182-332-4;

(6) Pitney Bowes Software Inc., One Global View, Troy, New York 12180-8399. MapInfo Pro User Guide

(7) Tổng cục quản lý đất đai (2019), Đề án tổng thể xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, Hà Nội – 2019;

(8) S. H. HALLETT , R. SAKRABANI, C. A. KEAY & J. A. HANNAM (2017), Developments in land information systems: examples demonstrating land resource management capabilities and options. <https://doi.org/10.1111/sum.12380>.

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
PHẦN LÝ THUYẾT		
1	Chương 1: Khái niệm cơ bản về hệ thống thông tin A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết) 1.1.Thông tin 1.2. Hệ thống 1.3. Hệ thống thông tin	K1
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) Tìm hiểu thông tin và đặc tính của các dữ liệu đất đai đang sử dụng ở Việt Nam	K1, K8
2,3	Chương 2: Hệ thống thông tin đất đai A/ Các nội dung chính trên lớp: (6 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (6 tiết)	K1

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
	<p>2.1. Khái niệm về hệ thống thông tin đất đai</p> <p>2.2. Mục đích và vai trò của hệ thống thông tin đất đai</p> <p>2.3. Các bộ phận cấu thành hệ thống thông tin đất đai</p> <p>2.4. Mô hình tổng thể hệ thống thông tin đất đai</p> <p>2.5. Quan hệ của các ngành và hệ thống thông tin đất đai</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết)</p> <p>Tìm hiểu về cơ sở dữ liệu đất đai đang được quản lý tại 2 cấp (cấp xã và cấp huyện)</p>	
4	<p>Chương 3: Quản lý thông tin đất đai</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết)</p> <p>3.1. Khái niệm về quản lý thông tin đất đai</p> <p>3.2. Nguồn gốc của công tác quản lý thông tin đất đai</p> <p>3.3. Bộ máy tổ chức của công tác quản lý thông tin đất đai</p> <p>3.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý thông tin đất đai</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết)</p> <p>Tìm hiểu các văn bản quy định về xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin đất đai.</p>	K1, K8 K1
5,6,7	<p>Chương 4: Xây dựng hệ thống thông tin đất đai</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: (7 tiết)</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (7 tiết)</p> <p>4.1. Tính cấp thiết và mục tiêu xây dựng hệ thống thông tin đất đai</p> <p>4.2. Điều tra, đánh giá hiện trạng hệ thống thông tin đất đai</p> <p>4.3. Phân tích hệ thống thông tin đất đai</p> <p>4.4. Thiết kế hệ thống thông tin đất đai</p> <p>4.5. Hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (21 tiết)</p> <p>Tìm hiểu về thiết kế mô hình chức năng, mô hình dữ liệu và mô hình xử lý của hệ thống thông tin đất đai</p> <p>Nghiên cứu và:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng phiếu hồ sơ; - Xây dựng phiếu công việc; - Xây dựng từ điển dữ liệu; - Xác định và biểu diễn các thực thể; - Thiết kế các xử lý. 	K2 K2,K8
8	<p>Chương 5: Tính kinh tế của hệ thống thông tin đất đai</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết)</p>	K2

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phân
	5.1. Thông tin là một nguồn vốn 5.2. Giá trị của thông tin đất đai 5.3. Phân tích chi phí và lãi của hệ thống thông tin đất đai 5.4. Hiệu quả của một hệ thống thông tin đất đai B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) Tìm hiểu và nghiên cứu tính kinh tế của dự án xây dựng hệ thống thông tin đất đai	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) Tìm hiểu và nghiên cứu tính kinh tế của dự án xây dựng hệ thống thông tin đất đai	K2, K8

PHẦN THỰC HÀNH

1	Bài 1: Làm quen với phần mềm (2,5 tiết) A/ Các nội dung chính trên lớp: (2,5 tiết) Nội dung GD thực hành: - Giới thiệu tổng quan - Hướng dẫn sử dụng	K5, K6, K7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (7,5 tiết) Thực hiện lại các nội dung đã học và nghiên cứu tài liệu liên quan đến thực hành.	
2	Bài 2: Xây dựng cơ sở dữ liệu (2,5 tiết) A/ Các nội dung chính trên lớp: (2,5 tiết) Nội dung GD thực hành: - Xây dựng dữ liệu không gian - Xây dựng dữ liệu thuộc tính	K5, K6, K7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (7,5 tiết) Thực hiện lại các nội dung đã học và hoàn thiện cơ sở dữ liệu và nghiên cứu tài liệu liên quan đến thực hành.	
3	Bài 3: Khai thác cơ sở dữ liệu (2,5 tiết) A/ Các nội dung chính trên lớp: (2,5 tiết) Nội dung GD thực hành: - Tùm kiếm, cung cấp thông tin đất đai - Thống kê, tổng hợp dữ liệu - Xây dựng các loại bản đồ chuyên đề.	K5, K6, K7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (7,5 tiết) Thực hiện lại các nội dung đã học, và nghiên cứu tài liệu liên quan đến thực hành.	

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học, thực hành: Phòng học và phòng thực sạch sẽ, đủ chỗ cho sinh viên. Phòng thực hành tối thiểu có 25 máy tính cho 01 nhóm sinh viên thực tập.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, phán, bảng, bút chỉ, loa, mic

- E-learning: phần mềm dạy trực tuyến (MS Teams...), máy tính, hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng Internet với băng thông đáp ứng nhu cầu người dùng, không để xảy ra nghẽn mạng hay quá tải. Phòng học trực tuyến đầy đủ ánh sáng, cách âm tốt, thông thoáng, ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ.
- Các phương tiện khác: Không

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Trần Quốc Vinh

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

PGS.TS. Trần Quốc Vinh

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023
GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN
(Ký và ghi rõ họ tên)

GVC. TS. Phạm Văn Vân

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



GS.TS. Phạm Văn Cường

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Phạm Văn Vân	Học hàm, học vị: GVC Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ – Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0936468938
Email: phamvan@vnua.edu.vn	Trang web: https://tnmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên:	email; điện thoại, gặp trực tiếp

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Đỗ Thị Loan	Học hàm, học vị: GV Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0938839787
Email: doloan@vnua.edu.vn	Trang web: https://tnmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên	email; điện thoại, gặp trực tiếp

CÁC LẦN CẢI TIẾN

Lần 1- (7/2018):

(1) Chỉnh sửa KQHTMD của học phần, mức đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT. CTĐT ngành QLĐĐ có 18 CDR cho 3 chuyên ngành: Quản lý đất đai, Quản lý bất động sản, Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

(2) Cập nhật nội dung học phần; phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá (bổ sung thêm Rubric).

Lần 2- (7/2019):

(1) Cập nhật KQHTMD của học phần, mức đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT (IPRM). CDR của CTĐT ngành QLĐĐ có 12 CDR.

(2) Cập nhật nội dung học phần; phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá;

Lần 3-5 (7/2020-7/2022):

Cập nhật nội dung học phần; phương pháp giảng dạy (kết hợp giảng dạy online), phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo.

Lần 6 (2023):

Chỉnh sửa CDR của học phần, mức đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT. CTĐT ngành QLĐĐ có 9 CDR, 1 chuyên ngành Quản lý đất đai. Cập nhật nội dung học phần; phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo.